TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **129**/2020/DS-PT
Ngày: 12/5/2010
V/v: Tranh quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Cùng các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLPT-DS ngày 20/02/2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2019/DS-ST ngày 04/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2020/QĐ-PT ngày 27/4/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Triệu Văn H, sinh năm 1960 (Có mặt)
2. Huỳnh Thị Ánh H , sinh năm 1960 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* 1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954 (Vắng mặt)
2. Triệu Thị L, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 65B7, tổ 6, khu phố 4, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Triệu Ngữ L, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

2. Triệu Thị Thùy L, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L, chị Linh: Bà Huỳnh Thị Ánh H , sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre, là người đại diện theo ủy quyền của anh L, chị Linh (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 8 năm 2017) (Bà H có mặt).

3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

4. Nguyễn Văn K, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

5. Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

6. Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, anh Kvà anh Ch: Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 65B7, tổ 6, khu phố 4, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020)

7. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1920 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre, là người đại diện theo ủy quyền của ông Th (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 6 năm 2019) (ông Thưởng có mặt).

8. Nguyễn Văn Dứt, sinh năm 1935 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

9. Ủy ban nhân dân xã ĐHL

Địa chỉ: Ấp Mắc Miễu, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của UBND xã ĐHL: Chị Nguyễn Thị Mỹ H– Chức vụ: Công chức Địa chính – Xây dựng của Ủy ban nhân dân xã ĐHL, là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã (Văn bản ủy quyền số 349/UQ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2019)

- *Người làm chứng do nguyên đơn triệu tập:*

Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Ông Triệu Văn H, bà Huỳnh Thị Ánh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn là ông Triệu Văn H, bà Huỳnh Thị Ánh H trình bày: Trước đây vào năm 1993 ông bà có mua 01 phần đất rừng của ông Nguyễn Thanh S, không biết diện tích bao nhiêu với giá 500.000 đồng, khi mua 02 bên chỉ làm 01 giấy tay và do vợ chồng ông bà giữ. Trước khi mua đất của ông S thì phần đất này do ông Đ canh tác (nhưng thực tế là đất của ông S), nên ông bà có đến xin ông Đ cho vét đường nước để làm không nhớ thời gian năm mấy, sau đó ông S đến nói đất này là của ông có sang thì sang nên ông bà mới sang và mua cùng 01 lượt với ông Đ vào năm 1993, nên khi mua thì trên đất đã có đường nước sẵn và canh tác cho đến nay. Sau đó, trong quá trình canh tác có khoảng thời gian 10 năm ông bà bỏ đất trống, thời gian này phía ông Đ mới lấn đất. Đất của ông bà thuộc thửa 1334, 1320, tờ bản đồ số 4 được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất vào năm 2001 do ông H đứng tên. Phần mua của ông S nay thuộc thửa 1334, còn thửa 1320 là mua của bà Võ Thị S (bà S đã chết). Nay ông bà có yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Triệu Thị L phải có nghĩa vụ trả lại phần đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 1199,1m^2 thuộc thửa 1334, 1320 tọa lạc tại ấp BL, xã ĐHL, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Triệu Thị L trình bày: Đất này trước đây có nguồn gốc là của địa chủ Kim Anh, nhưng mới hòa bình lên thì địa chủ đã không còn canh tác, nên trở thành đất hoang. Vào năm 1977 do ông bà là người khai phá đất, được vài năm thì phía vợ chồng H từ Ba Tri qua đây sinh sống nhưng không có đất canh tác, nên ông bà mới cho vợ chồng H khoảng 04 công đất giáp với đất của ông bà hiện nay để canh tác, làm được mấy năm thì ông Nguyễn Thanh S có đến nói là đất của ông bà (là ông Nguyễn Văn Liễu, thường gọi 9 Út) cho ông S, nên ông S kêu bán lại vì lúc ông bà khai hoang sử dụng thì không biết, nên khi biết thì cũng đồng ý mua, thời gian mua và giá bao nhiêu không nhớ do thời gian đã quá lâu chỉ biết mua cùng năm với ông H, có làm giấy tay nhưng ông bà đã làm thất lạc, nên sau đó ông S có làm lại 02 tờ tường trình đã nộp cho Tòa án, khi mua không có nói diện tích bao nhiêu vì chưa có đo đạc, chỉ biết lúc xưa khi bán là chỉ từ đây tới đó thì bán. Còn phần ông H ông bà đã cho ông H canh tác nên giữa ông H với ông S thương lượng, nhưng tôi biết là ông S cũng kêu bán luôn cho ông H. Phần đất ông bà cho ông H canh tác trước đó không có đường nước, nên khi vợ chồng H làm muối mới qua xin ông bà cho bữa ngang bờ để lấy nước làm muối, ông bà cũng đồng ý. Phần đường nước này sau đó khoảng 1-2 năm ông S kêu bán luôn cho ông bà, với giá là 06 chỉ vàng 24K. Ông bà khẳng định phần bờ đất tranh chấp hiện nay nằm trong đất của vợ chồng ông bà đã sử dụng từ xưa cho đến nay không lấn đất của ai, nên không đồng ý trả đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Nay qua yêu cầu trả đất của ông H và bà H thì các anh chị thống nhất với ý kiến của ông Đ, bà Llà không đồng ý trả đất, vì đất này là của cha mẹ mua của ông Nguyễn Thanh S và đã canh tác từ xưa đến nay, không có lấn chiếm đất đai của ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Ch trình bày: Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H buộc cha mẹ anh trả đất thì anh cũng thống nhất với ý kiến của cha mẹ và các anh chị em là không đồng ý, vì đất này là của cha mẹ anh mua của ông Nguyễn Thanh S và đã canh tác từ xưa đến nay, không có lấn chiếm đất đai của ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th do ông Nguyễn Ngọc Th là người đại diện của ông trình bày:

Phần đất của ông Th theo số liệu mới hiện nay thuộc thửa 33 nằm giáp với thửa 34, cùng tờ bản đồ số 28 của ông H bà H. Nhưng ông Th vẫn bảo lưu ý kiến theo biên bản phục hồi ranh theo đường hồ sơ địa chính vào ngày 03/5/2019 là phần giáp với ranh đất của ông H tại thửa 34 vẫn là 03 điểm ranh theo như đoàn đo đạc đã đo phục hồi ranh thực tế, chứ không phải 02 điểm như lúc đo đạc ông đã chỉ vì có thêm 01 điểm gãy chính giữa. Nay phía ông H, bà H không đồng ý điểm gãy mà cho rằng ranh đất vẫn là đường thẳng nối 02 điểm đầu đến điểm cuối nhưng ông Th không đồng ý, cho nên 02 bên không thống nhất vị trí giáp ranh. Tuy nhiên, ông Th không làm thủ tục khởi kiện ông H, bà H trong cùng vụ án, mà khi cần thiết sẽ khởi kiện bằng 01 vụ án khác.

Ủy ban nhân dân xã ĐHL do chị Nguyễn Thị Mỹ Hlà người đại diện của Ủy ban xã trình bày: Phần đất tranh chấp giữa ông H với ông Đ có 01 con kênh (rạch) đã hình thành trước năm 1993, khi đo đạc bản đồ không ảnh đã hình thành con kênh (rạch), nên đất giữa ông H và ông Đ không nằm giáp ranh nhau mà cách nhau bởi 01 con kênh (rạch). Kênh (rạch) thì lại thuộc quyền quản lý của Nhà nước, do phần kênh (rạch) này tọa lạc tại xã ĐHL nên thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã ĐHL, chứ không cấp cho người dân. Nhưng hiện nay con kênh (rạch) này không còn hiện trạng là con kênh (rạch) mà nó là 01 bờ đất và khi đo đạc theo số liệu chính quy thì phần bờ đất này nằm trong thửa 28 do ông Nguyễn Văn Đ kê khai trong hồ sơ địa chính. Nguyên nhân do khi thực hiện theo chủ trương của xã làm kênh và lộ Tây BL để phục vụ cho sản xuất Nông ngH vào năm 2005 -2006, đồng thời trước đó thực hiện theo chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện làm Đê Quốc Phòng vào năm 2000, thì khi đó đoạn cuối của kênh (rạch) cặp với thửa 1334, 1337 bị hộ gia đình sử dụng đất san lắp làm bờ ao nuôi tôm (do bên ông Đ làm). Chính vì vậy, mà từ năm 2006 cho đến nay, phần bờ đất này do phía ông Đ sử dụng. Nay trong vụ án, Ủy ban nhân dân xã không có yêu cầu 02 bên trả đất lấn chiếm do thuộc kênh (rạch) của Nhà nước, mà chỉ đề nghị 02 bên không được

chiếm sử dụng luôn vì cho rằng thuộc quyền sử dụng của người dân, mặc dù phần kênh (rạch) đã thay đổi hiện trạng không còn là kênh (rạch) của Nhà nước, các bên không đồng ý thì sau này giữa Ủy ban xã với các bên sẽ thương lượng giải quyết riêng chứ không yêu cầu trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày:

Phần đất tại thửa 1339, tờ bản đồ số 4 do ông đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng khi được Ủy ban nhân dân xã ĐHL cho biết thực tế có 01 phần thửa 1339 do ông Đ canh tác và hiện thuộc thửa 18, tờ 28 (ngay phần nhà của anh Ch con ông Đ ở). Tuy nhiên, ông xác định thực tế ông Đ canh tác phần đất thuộc thửa 18, tờ 28 từ xưa đến nay là đúng, giữa ông và ông Đ không có tranh chấp gì, mà chỉ do nhầm lẫn về giấy tờ nên phần này giữa ông với ông Đ sẽ điều chỉnh giải quyết riêng.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án số 80/2019/DS-ST ngày 04/12/2019 Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào Điều 175; khoản 1 Điều 176 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 254; khoản 1 Điều 147; Điều 157, 158; 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Văn H và bà Huỳnh Thị Ánh H đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Triệu Thị L về việc "Tranh chấp Quyền sử dụng đất".

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/12/2019 ông Triệu Văn H, bà Huỳnh Thị Ánh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữa yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn là ông Triệu Văn H và bà Huỳnh Thị Ánh H yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Triệu Thị L trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.199,1m^2 thuộc các thửa 28-1, 28-3, 34-1, 34-2, 34-4, 29-2, 33-2 tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp BL, xã ĐHL, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Về nguồn gốc đất: Theo Công văn số 359 ngày 16/10/2019 của ủy ban nhân dân xã ĐHL thì nguồn gốc phần đất tranh chấp là của địa chủ Kim Anh. Sau đó, ông bà của ông Nguyễn Thanh S canh tác và để lại đất cho ông S. Đến năm 1993 ông S bán lại phần đất cho vợ chồng ông Đ, bà Liên. Ông Đ bà Lcũng trình bày đất ông bà mua của ông S. Do đó, có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp là của địa chủ Kim Anh, khi địa chủ không còn canh tác thì gia đình ông S vào canh tác, đến năm 1993 ông S sang nhượng cho ông Đ, bà Liên.

[3] Ông H, bà H cho rằng trong khoảng thời gian 10 năm ông bà bỏ đất trống thì ông Đ lấn đất. Chứng cứ mà ông H bà H cung cấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Triệu Văn H và giấy sang nhượng đất của ông Nguyễn Thanh S. Trong quá trình thu thập chứng cứ thì ông S và ông H đều thừa nhận khi ông S sang nhượng đất cho ông H vào năm 1993 thì không đo đạc nên không rõ diện tích cụ thể. Theo giấy sang nhượng đất mặt sau ghi ngày 15/12/1993 thì giữa ông S và ông H, bà H thỏa thuận mua bán phần đất chỉ ghi hiện trạng giáp ranh nhưng không ghi rõ diện tích cụ thể mua bán và cũng không thể hiện nội dung ông S bán phần đất có đường nước cho ông H. Như vậy, khi mua bán giữa ông S và ông H không đo đạc nên không thể xác định được diện tích mua bán là bao nhiêu? Ông H cho rằng vợ chồng ông Đ lấn đất khi ông H bỏ đất trống nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ gì khác, đồng thời ông Đ cũng không thừa nhận sự việc này. Tại Công văn số 1220/CNBĐ-TTLT ngày 20/8/2018 thì thửa đất số 1324, 1320 tờ bản đồ số 4 xã ĐHL lúc thành lập bản đồ 299 không có biên bản H thương ranh. Nên việc ông S căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tay mua bán để khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà Ltrả đất là chưa đủ cơ sở.

[4] Về hiện trạng phần đất tranh chấp: Hiện nay, con kênh này không còn, thay vào đó là một bờ đất. Ông H cho rằng trước đây đường nước thuộc phần đất của ông do ông sử dụng. Bị đơn là ông Đ cho rằng phần đất có đường nước là của ông S chuyển nhượng cho ông, đường nước thuộc quyền sử dụng của ông, ông H xin ông sử dụng nhờ đường nước để làm ruộng muối chứ ông H không canh tác. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2017 ông Nguyễn Thanh S xác định: Năm 1993 ông S có bán một phần đất cho ông Đ và ông H. Khi bán đất các bên không đo đạc, không biết diện tích bao nhiêu. Đối với phần đất mà ông bán cho ông H chỉ theo hiện trạng là từ mí bờ giáp đường nước của ông Đ, không cắm trụ. Phần đất trũng thì ông S để lại đặt nò, sau đó ông S bán luôn cho ông Đ. Đồng thời, ông S xác định phần đất tranh chấp giữa hai bên hiện nay do ông bán cho ông Đ chứ

không phải bán cho ông H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2017 ông Nguyễn Văn Minh (hai Xù) trình bày: Ông Đ có đất ở đây trước ông H, phần đất tranh chấp hiện nay có hiện trạng là đường nước nằm trong đất ông Đ. Người làm chứng là ông Nguyễn Văn Dứt, Hà Huy Hoàng sống từ lâu ở khu vực ó đất tranh chấp xác nhận: Phần đường nước là của ông Đ, ông H xin ông Đ sử dụng đường nước. Như vậy, lời trình bày của ông Đ thống nhất với lời trình bày của ông S là chủ đất cũ và những người làm chứng sống ở gần phần đất tranh chấp nên có cơ sở để xác định phần đất có đường nước là của ông S chuyển nhượng cho ông Đ và sau này do ông Đ canh tác, ông H là người xin ông Đ lấy nước qua mương.

[5] Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Đại đo vẽ ngày 13/3/2018 thì giữa thửa đất số 1334 và thửa 1337 tờ bản đồ số 4 (theo số liệu chính quy nay là thửa 28, 34 tờ bản đồ số 28) là một con kênh. Theo lời trình bày của đại diện Ủy ban nhân dân xã ĐHL thì phần đất tranh chấp giữa hai bên có 01 con kênh hình thành trước năm 1993. Con kênh thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã ĐHL nên không cấp quyền sử dụng cho người dân. Như vậy, giữa hai thửa đất của ông Đ và ông H không giáp ranh nhau mà cách nhau bởi một con kênh nên việc ông H cho rằng bị ông Đ lấn chiếm đất là không có cơ sở.

[6] Bản án sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các chứng cứ để bác yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H là phù hợp. Ông H, bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Ông H và bà H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Triệu Văn H và bà Huỳnh Thị Ánh H , giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 80/2019/DS-ST ngày 04/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Căn cứ vào Điều 175; khoản 1 Điều 176 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Văn H và bà Huỳnh Thị Ánh H đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Triệu Thị L về việc "Tranh chấp Quyền sử dụng đất".

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Triệu Văn H và bà Huỳnh Thị Ánh H phải liên đới chịu là 5.887.000 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Ông H, bà H đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Triệu Văn H và bà Huỳnh Thị Ánh H được miễn nộp án phí

Ông Triệu Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0005770 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ông Triệu Văn H và bà Huỳnh Thị Ánh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số: 0005893 ngày 11 tháng 8 năm 2017 và 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0019259 ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Triệu Văn H, bà Huỳnh Thị Ánh H được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Triệu Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0007967 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Bà Huỳnh Thị Ánh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0007966 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Bình Đại;*
- *Chi cục THADS huyện Bình Đại;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Ngọc Hương **Lê Văn Phận** **Huỳnh Ngọc Dũng**